TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH HÓA** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 62/2023/QĐST-HNGĐ	*Định Hóa, ngày 21 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Chị Q, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh T, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và chị Q, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Qnhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh T và chị Q có 01 con chung là T1, sinh ngày 30/01/2017. Sau khi ly hôn, chị Quyên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung T1 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Thành có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Hàng tháng, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Trương Duy Trọng với mức 1.000.000đ(một triệu đồng)/tháng (trên một tháng) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Q không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003113 ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên sang tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hóa (02 bản);
- Chi cục thi hành án huyện Định Hóa;

THẨM PHÁN

- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án./.

Hoàng Văn Kiểm